ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015- 2016

(Theo TB số ….. /TB-ĐHKH-KHTC về việc chi trả tiền học bổng học kỳ II năm học 2015-2016 cho sinh viên khóa 11,12,13)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
1	DTZ1354601010095	Vũ Thị Ngọc	Ly	21/05/1995	Toán học K11	18	**3.72**	93	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
2	DTZ1354601010096	Trần Thị Thanh	Loan	26/10/1995	Toán học K11	18	**3.72**	93	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
3	DTZ1354601010019	Hà Thị Thanh	Hường	05/06/1993	Toán học K11	18	**3.67**	93	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
4	DTZ1354601120016	Phan Thị	Bình	14/09/1995	Toán- Tin K11	16	**3.75**	91	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
5	DTZ1454601010006	Hoàng Thị	Tuyến	11/11/1996	Toán học K12	21	**3.24**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000
6	DTZ1554601010015	Đỗ Thị	Cúc	21/08/1995	Toán học K13	19	**3.21**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
7	DTZ1354601010071	Nguyễn Thị	Huệ	12/12/1995	Toán học K11	18	**3.83**	86	Giỏi	680.000	5	3.400.000
8	DTZ1354401020031	Nguyễn Đình Hải	Ngân	16/05/1994	Vật lí K11	15	**4.00**	97	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
9	DTZ1354401020012	Đỗ Thị	Ngân	17/08/1995	Vật lí K11	15	**3.87**	94	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
10	DTZ1355104010028	Phạm Thị	Ngọc	03/06/1995	Ng KT Hóa học K1	19	**3.84**	90	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
11	DTZ1355104010010	Lê Thị Thu	Trang	08/10/1995	Ng KT Hóa học K1	19	**3.74**	98	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
12	DTZ1354401120065	Lê Thị	Huyền	30/08/1994	Hóa học K11	16	**3.56**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
13	DTZ1354401120030	Bùi Thị	Hằng	29/03/1994	Hóa học K11	19	**3.42**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
14	DTZ1354401120059	Nguyễn Phương	Thảo	22/08/1995	Hóa học K11	19	**3.37**	82	Giỏi	680.000	5	3.400.000
15	DTZ1354401120074	Chu Thị	Hiền	15/09/1995	Hóa học K11	19	**3.32**	82	Giỏi	680.000	5	3.400.000
16	DTZ1354401120033	Nguyễn Thảo	Hiền	23/04/1994	Hóa học K11	16	**3.31**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
17	DTZ1455104030018	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	20/04/1996	Hóa dược K12	21	**3.33**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000
18	DTZ1455104030019	Phạm Thị Hoài	Thương	30/09/1996	Hóa dược K12	18	**3.22**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
19	DTZ1455104030002	Trần Thị Thu	Phương	12/05/1996	Hóa dược K12	21	**3.14**	95	Khá	610.000	5	3.050.000
20	DTZ1455104030009	Trịnh Huệ	Hương	18/05/1996	Hóa dược K12	21	**3.00**	89	Khá	610.000	5	3.050.000
21	DTZ1454401120011	Lê Thu	Trang	10/12/1996	Hóa học K12	19	**3.00**	84	Khá	610.000	5	3.050.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
22	DTZ1555104010010	Trần Thị Thùy	Dung	28/03/1997	CoN Hóa K13	18	**3.11**	84	Khá	610.000	5	3.050.000
23	DTZ1557204030035	Nguyễn Hữu	Ái	08/10/1997	Hóa dược K13	17	**3.41**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000
24	DTZ1557204030034	Hà Phương	Lan	24/06/1997	Hóa dược K13	19	**3.05**	81	Khá	610.000	5	3.050.000
25	DTZ1354402170017	Chu Thị Thùy	Trang	20/11/1993	Địa lí K11	16	**3.13**	89	Khá	610.000	5	3.050.000
26	DTZ1354402170048	Hoàng Thị Thùy	Trang	10/05/1995	Địa lí K11	16	**3.06**	89	Khá	610.000	5	3.050.000
27	DTZ1354402170032	Lý Thị Thanh	Liêm	14/02/1995	Địa lí K11	19	**2.95**	89	Khá	610.000	5	3.050.000
28	DTZ1454402170023	Kiều Thị	Thảo	17/09/1995	Địa lí K12	15	**3.67**	91	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
29	DTZ1554402170011	Nguyễn Hải	Yến	18/12/1996	Địa lí K13	21	**2.67**	82	Khá	610.000	5	3.050.000
30	DTZ1354403010150	Lường Thị	Trang	06/02/1995	KHMT K11	15	**3.87**	95	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
31	DTZ1354403010131	Sý Thu	Vân	10/05/1995	KHMT K11	15	**3.80**	90	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
32	DTZ1354403010020	Đỗ Thị Kim	Liên	28/05/1995	KHMT K11	15	**3,60**	93	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
33	DTZ1354403010126	Nguyễn Thị	Trang	25/08/1994	KHMT K11	15	**3.67**	83	Giỏi	680.000	5	3.400.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
34	DTZ1354403010111	Nguyễn Thị	Huyền	15/11/1995	KHMT K11	15	**3.53**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000
35	DTZ1354403010037	Phạm Thị	Quyên	19/08/1995	KHMT K11	15	**3.53**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000
36	DTZ1354403010094	Trần Phương	Thảo	02/07/1995	KHMT K11	15	**3.47**	89	Giỏi	680.000	5	3.400.000
37	DTZ1354403010117	Đào Thị	Luyến	30/07/1995	KHMT K11	15	**3.20**	93	Giỏi	680.000	5	3.400.000
38	DTZ1354403010171	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/07/1993	KHMT K11	20	**3.20**	82	Giỏi	680.000	5	3.400.000
39	DTZ1354403010028	Lù Lé	Mư	20/09/1995	KHMT K11	20	**3.20**	91	Giỏi	680.000	5	3.400.000
40	DTZ1454403010051	Tô Thị Ngọc	Uyên	19/01/1996	KHMT K12	18	**3.44**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000
41	DTZ1454403010002	Lù Thị	Quỳnh	01/04/1996	KHMT K12	18	**3.17**	88	Khá	610.000	5	3.050.000
42	DTZ1454403010010	Nguyễn Thị	Hiên	13/03/1996	KHMT K12	18	**3.17**	91	Khá	610.000	5	3.050.000
43	DTZ1554403010008	Nguyễn Thị	Hương	11/11/1995	KHMT K13	16	**3.75**	88	Giỏi	680.000	5	3.400.000
44	DTZ1358501010032	Vũ Thanh Thanh	Hiền	20/12/1995	QL TNMT K11	20	**3.25**	95	Giỏi	680.000	5	3.400.000
45	DTZ1358501010033	Lương Thị	Hoa	20/03/1995	QL TNMT K11	20	**3.25**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
46	DTZ1358501010060	Tẩn Lưu	Mẩy	20/01/1995	QL TNMT K11	24	**3.00**	93	Khá	610.000	5	3.050.000
47	DTZ1358501010059	Hoàng Thị Ngọc	Mai	29/04/1995	QL TNMT K11	24	**3.00**	88	Khá	610.000	5	3.050.000
48	DTZ1358501010057	Linh Thị	Luyến	25/02/1995	QL TNMT K11	20	**3.00**	93	Khá	610.000	5	3.050.000
49	DTZ1358501010075	Nguyễn Minh	Phú	27/05/1993	QL TNMT K11	23	**2.96**	85	Khá	610.000	5	3.050.000
50	DTZ1358501010006	Phạm Văn	Bộ	01/06/1993	QL TNMT K11	20	**2.95**	88	Khá	610.000	5	3.050.000
51	DTZ1358501010043	Ngô Thị Lan	Hương	10/09/1995	QL TNMT K11	20	**2.95**	91	Khá	610.000	5	3.050.000
52	DTZ1458501010058	Quàng Thị	Hải	05/11/1996	QL TNMT K12	16	**3.56**	89	Giỏi	680.000	5	3.400.000
53	DTZ1458501010033	Hoàng Thị	Lan	24/04/1996	QL TNMT K12	19	**3.53**	90	Giỏi	680.000	5	3.400.000
54	DTZ1458501010031	Nguyễn Phương	Ly	16/06/1995	QL TNMT K12	16	**3.50**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
55	DTZ1458501010059	Nguyễn Thu	Thủy	02/11/1996	QL TNMT K12	16	**3.44**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000
56	DTZ1458501010136	Trần Thị	Huệ	16/10/1996	QL TNMT K12	16	**3.44**	91	Giỏi	680.000	5	3.400.000
57	DTZ1458501010050	Chu Thanh	Hằng	15/11/1996	QL TNMT K12	19	**3.42**	90	Giỏi	680.000	5	3.400.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
58	DTZ1458501010054	Tô Thị	Nhiệm	15/09/1994	QL TNMT K12	16	**3.31**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
59	DTZ1458501010040	Phùng Minh	Thùy	08/04/1996	QL TNMT K12	16	**3.25**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000
60	DTZ1458501010124	Thẩm Thị	Chăng	19/08/1996	QL TNMT K12	16	**3.13**	93	Khá	610.000	5	3.050.000
61	DTZ1558501010022	Nguyễn Thị Lan	Phương	12/10/1997	QL TNMT K13	16	**2.50**	91	Khá	610.000	5	3.050.000
62	DTZ1354202010080	Đinh Thị Thúy	Hiền	15/06/1995	CoN Sinh K11	16	**3.63**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
63	DTZ1354202010036	Nguyễn Xuân	Hưởng	08/10/1995	CoN Sinh K11	16	**3.63**	89	Giỏi	680.000	5	3.400.000
64	DTZ1354202010057	Phạm Thanh	Hương	26/11/1995	CoN Sinh K11	16	**3.50**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000
65	DTZ1354202010077	Trần Thị	Hiệp	05/01/1995	CoN Sinh K11	16	**3.44**	89	Giỏi	680.000	5	3.400.000
66	DTZ1354202010085	Lê Thị	Lý	23/08/1995	CoN Sinh K11	20	**3.35**	89	Giỏi	680.000	5	3.400.000
67	DTZ1354202010084	Nguyễn Thị	Như	12/04/1995	CoN Sinh K11	19	**3.32**	83	Giỏi	680.000	5	3.400.000
68	DTZ1454202010036	Phan Thị	Uyên	15/10/1996	CoN Sinh K12	21	**3.24**	82	Giỏi	680.000	5	3.400.000
69	DTZ1454202010006	Hoàng Thị	Vân	20/10/1996	CoN Sinh K12	21	**3.05**	76	Khá	610.000	5	3.050.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
70	DTZ1554202010004	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	09/10/1997	CoN Sinh K13	17	**2.82**	74	Khá	610.000	5	3.050.000
71	DTZ1354201010004	Dương Thị	Hiền	16/06/1994	Sinh học K11	16	**3.63**	91	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
72	DTZ1354201010012	Ngô Thị	Mai	08/04/1995	Sinh học K11	16	**3.50**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
73	DTZ1357601010107	Phạm Thị	Huệ	07/06/1995	CTXH K11	19	**3.68**	93	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
74	DTZ1357601010045	Long Thị	Hồng	02/09/1995	CTXH K11	19	**3.53**	97	Giỏi	680.000	5	3.400.000
75	DTZ1357601010142	Bùi Thị Thu	Hiền	16/01/1995	CTXH K11	19	**3.53**	95	Giỏi	680.000	5	3.400.000
76	DTZ1357601010036	Hoàng Thị	Đều	18/04/1995	CTXH K11	19	**3.47**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
77	DTZ1357601010154	Nguyễn Thị	Quy	29/05/1995	CTXH K11	19	**3.47**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
78	DTZ1357601010020	Trần Duy	Tuyến	14/05/1995	CTXH K11	19	**3.37**	93	Giỏi	680.000	5	3.400.000
79	DTZ1357601010135	Mã Thị	Dụ	13/07/1994	CTXH K11	19	**3.37**	90	Giỏi	680.000	5	3.400.000
80	DTZ1357601010046	Đỗ Thúy	Vân	01/06/1995	CTXH K11	19	**3.37**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000
81	DTZ1357601010153	Phạm Bích	Thủy	01/10/1995	CTXH K11	19	**3.37**	90	Giỏi	680.000	5	3.400.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
82	DTZ1357601010066	Đặng Mai	Tuyết	07/05/1994	CTXH K11	19	**3.37**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000
83	DTZ1357601010031	Hoàng Thị	Trinh	16/06/1995	CTXH K11	19	**3.32**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
84	DTZ1457601010101	Lê Thị	Cúc	27/02/1996	CTXH K12	16	**3.69**	86	Giỏi	680.000	5	3.400.000
85	DTZ1457601010030	Nguyễn Hồng	Nhung	27/09/1996	CTXH K12	16	**3.69**	91	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
86	DTZ1457601010120	Vi Thị	Niềm	18/12/1996	CTXH K12	16	**3.69**	93	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
87	DTZ1457601010130	Nguyễn Hương	Quỳnh	15/07/1995	CTXH K12	14	**3.64**	96	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
88	DTZ1457601010019	Ma Thị	Ngoãn	26/06/1996	CTXH K12	16	**3.63**	86	Giỏi	680.000	5	3.400.000
89	DTZ1457601010051	Bế Thị	Cúc	10/07/1996	CTXH K12	16	**3.56**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000
90	DTZ1457601010115	Nguyễn Thị	Vân	23/04/1996	CTXH K12	16	**3.56**	95	Giỏi	680.000	5	3.400.000
91	DTZ1457601010042	Nguyễn Thị Mai	Quyên	06/08/1996	CTXH K12	16	**3.56**	88	Giỏi	680.000	5	3.400.000
92	DTZ1557601010040	Bùi Thị	Huyền	06/03/1996	CTXH K13A	22	**3.23**	82	Giỏi	680.000	5	3.400.000
93	DTZ1557601010113	Tẩn Mí	Chiêu	20/03/1997	CTXH K13A	17	**2.88**	86	Khá	610.000	5	3.050.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
94	DTZ1557601010128	Hoàng Thị	Hoa	06/10/1996	CTXH K13B	17	**3.53**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000
95	DTZ1557601010050	Nông Hồng Nhung	Lụa	14/06/1997	CTXH K13B	17	**2.82**	89	Khá	610.000	5	3.050.000
96	DTZ1557601010119	Lò Thị	Bình	04/05/1997	CTXH K13B	17	**2.59**	85	Khá	610.000	5	3.050.000
97	DTZ1557601010091	Lỳ Gạ	Xó	03/12/1996	CTXH K13B	17	**2.53**	93	Khá	610.000	5	3.050.000
98	DTZ1353404010066	Lù Thị Minh	Thúy	04/01/1994	KHQL K11	16	**3.44**	90	Giỏi	680.000	5	3.400.000
99	DTZ1353404010004	Dương Thị	Huyên	02/12/1995	KHQL K11	18	**3.28**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000
100	DTZ1353404010054	Trần Thị Huyền	Trang	29/03/1995	KHQL K11	16	**3.25**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000
101	DTZ1353404010036	Vũ Thị	Nga	03/04/1995	KHQL K11	18	**3.22**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000
102	DTZ1353404010025	Triệu Thị	Viện	10/05/1995	KHQL K11	16	**3.13**	86	Khá	610.000	5	3.050.000
103	DTZ1353404010111	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	15/07/1995	KHQL K11	18	**3.11**	85	Khá	610.000	5	3.050.000
104	DTZ1353404010044	Nguyễn Thị Giang	Thanh	21/11/1995	KHQL K11	18	**3.06**	76	Khá	610.000	5	3.050.000
105	DTZ1353404010024	Vy Thị	Hạnh	05/07/1995	KHQL K11	16	**3.00**	91	Khá	610.000	5	3.050.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
106	DTZ1453404010050	Nông Văn	Sống	08/04/1996	KHQL K12	17	**3.41**	94	Giỏi	680.000	5	3.400.000
107	DTZ1453404010059	Trần Thị	Quyên	23/05/1995	KHQL K12	25	**3.24**	90	Giỏi	680.000	5	3.400.000
108	DTZ1453404010003	Trần Thị	Loan	17/04/1996	KHQL K12	19	**3.00**	83	Khá	610.000	5	3.050.000
109	DTZ1453404010081	Nguyễn Thị	Hồng	23/09/1996	KHQL K12	17	**2.94**	84	Khá	610.000	5	3.050.000
110	DTZ1453404010077	Vũ Thị Mai	Hiên	02/06/1994	KHQL K12	17	**2.76**	94	Khá	610.000	5	3.050.000
111	DTZ1453404010062	Trần Thị Thu	Thảo	18/11/1996	KHQL K12	19	**2.53**	84	Khá	610.000	5	3.050.000
112	DTZ1453404010019	Nông Đức	Thuận	24/08/1994	KHQL K12	17	**2.53**	93	Khá	610.000	5	3.050.000
113	DTZ1553404010020	Lò Văn	Mình	03/11/1996	KHQL K13	18	**3.39**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000
114	DTZ1553404010011	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	05/03/1997	KHQL K13	18	**2.67**	89	Khá	610.000	5	3.050.000
115	DTZ1353801010091	Trần Thị Thu	Hạnh	16/12/1995	Luật K11	19	**3.63**	91	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
116	DTZ1353801010004	Triệu Hồng	Hạnh	09/03/1995	Luật K11	19	**3.53**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000
117	DTZ1353801010071	Hồ Thị	Phương	13/07/1995	Luật K11	19	**3.42**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
118	DTZ1353801010005	Lường Thúy	Liên	25/12/1995	Luật K11	19	**3.26**	93	Giỏi	680.000	5	3.400.000
119	DTZ1353801010002	Bạc Cầm	Thiết	14/11/1995	Luật K11	19	**3.26**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
120	DTZ1353801010008	Hà Thị Thanh	Lịch	20/01/1995	Luật K11	19	**3.26**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
121	DTZ1353801010079	Thào Thị	Mái	14/10/1993	Luật K11	19	**3.21**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000
122	DTZ1353801010119	Chu Thảo	Nhung	08/03/1995	Luật K11	21	**3.14**	80	Khá	610.000	5	3.050.000
123	DTZ1453801010047	Cao Thị Kim	Huế	30/11/1996	Luật K12	23	**3.91**	92	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
124	DTZ1453801010021	Mai Thị	Nga	11/06/1996	Luật K12	23	**3.91**	81	Giỏi	680.000	5	3.400.000
125	DTZ1453801010206	Ngô Thảo	Anh	05/11/1996	Luật K12	23	**3.70**	81	Giỏi	680.000	5	3.400.000
126	DTZ1453801010019	Lê Thị	Mây	04/03/1995	Luật K12	23	**3.57**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000
127	DTZ1453801010017	Bùi Hoàng	Anh	02/03/1996	Luật K12	23	**3.57**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000
128	DTZ1453801010108	Phổng Mùi	Mấy	03/06/1996	Luật K12	23	**3.39**	82	Giỏi	680.000	5	3.400.000
129	DTZ1453801010046	Nguyễn Hữu	Lưu	02/02/1987	Luật K12	23	**3.39**	91	Giỏi	680.000	5	3.400.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
130	DTZ1453801010184	Vy Thạch	Anh	20/08/1995	Luật K12	23	**3.39**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000
131	DTZ1453801010186	Nguyễn Thị Thu	Hiền	21/01/1996	Luật K12	23	**3.35**	92	Giỏi	680.000	5	3.400.000
132	DTZ1453801010092	Lê Yến	Phương	20/03/1996	Luật K12	23	**3,30**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
133	DTZ1453801010074	Phạm Khánh	Linh	30/11/1996	Luật K12	19	**3.32**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000
134	DTZ1453801010010	Nông Thị Vân	Anh	10/07/1995	Luật K12	23	**3.30**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
135	DTZ1453801010119	Trần Mai	Hương	25/11/1996	Luật K12	23	**3.30**	95	Giỏi	680.000	5	3.400.000
136	DTZ1553801010263	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	05/05/1997	Luật K13 - A	19	**3.53**	90	Giỏi	680.000	5	3.400.000
137	DTZ1553801010006	Trần Ngọc	Ánh	26/04/1996	Luật K13 - A	19	**3.32**	82	Giỏi	680.000	5	3.400.000
138	DTZ1553801010199	Trần Thị Hương	Thảo	20/12/1997	Luật K13 - A	21	**3.29**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000
139	DTZ1553801010146	Lường Thị	My	16/01/1996	Luật K13 - B	19	**3.63**	76	Khá	610.000	5	3.050.000
140	DTZ1553801010151	Trần Thị Thúy	Nga	31/07/1997	Luật K13 - B	19	**3.05**	75	Khá	610.000	5	3.050.000
141	DTZ1553801010138	Trần Hồng	Miên	17/03/1995	Luật K13 - B	19	**2.95**	76	Khá	610.000	5	3.050.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
142	DTZ1553801010324	Hoàng Thị	Bạch	12/11/1996	Luật K13 - B	19	**2.95**	80	Khá	610.000	5	3.050.000
143	DTZ1553801010283	Nguyễn Kiều	Trinh	27/10/1997	Luật K13 - B	17	**2.94**	74	Khá	610.000	5	3.050.000
144	DTZ1553801010192	Hoàng Thị	Thắm	07/03/1997	Luật K13 - B	19	**2.89**	80	Khá	610.000	5	3.050.000
145	DTZ1553801010179	Trần Hồng	Quang	05/03/1996	Luật K13 - C	19	**3.00**	80	Khá	610.000	5	3.050.000
146	DTZ1553801010337	Nguyễn Phương	Trang	27/04/1996	Luật K13 - C	22	**3.00**	81	Khá	610.000	5	3.050.000
147	DTZ1553801010144	Nguyễn Hà	My	28/12/1997	Luật K13 - C	21	**2.81**	86	Khá	610.000	5	3.050.000
148	DTZ1553801010088	Dương Thị Khánh	Hương	02/09/1997	Luật K13 - C	24	**2.79**	86	Khá	610.000	5	3.050.000
149	DTZ1553801010080	Dùng Thị	Hội	06/06/1997	Luật K13 - C	19	**2.74**	76	Khá	610.000	5	3.050.000
150	DTZ1553801010295	Nguyễn Thị	Trang	01/11/1997	Luật K13 - C	19	**2.74**	76	Khá	610.000	5	3.050.000
151	DTZ1553801010089	Nguyễn Thị Lan	Hương	01/09/1996	Luật K13 - D	19	**3.53**	95	Giỏi	680.000	5	3.400.000
152	DTZ1553801010152	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02/10/1997	Luật K13 - D	19	**3.21**	90	Giỏi	680.000	5	3.400.000
153	DTZ1553801010150	Nguyễn Thúy	Nga	29/12/1997	Luật K13 - D	19	**3.11**	79	Khá	610.000	5	3.050.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
154	DTZ1553801010069	Nguyễn Thị	Hiền	03/08/1997	Luật K13 - D	19	**2.95**	81	Khá	610.000	5	3.050.000
155	DTZ1553801010272	Bùi Thị Lan	Anh	09/05/1997	Luật K13 - D	19	**2.95**	76	Khá	610.000	5	3.050.000
156	DTZ1553801010038	Liêu Thị	Dung	03/10/1997	Luật K13 - D	21	**2.67**	78	Khá	610.000	5	3.050.000
157	DTZ1353201010039	Trần Ngọc	Sơn	05/11/1988	Báo chí K11	18	**3.72**	91	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
158	DTZ1353201010017	Nguyễn Thị	Liên	01/01/1995	Báo chí K11	22	**3.68**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
159	DTZ1353201010007	Khuất Thị Thanh	Vân	28/12/1995	Báo chí K11	18	**3.67**	83	Giỏi	680.000	5	3.400.000
160	DTZ1353201010047	Trần Thanh	Tâm	23/11/1995	Báo chí K11	18	**3.67**	81	Giỏi	680.000	5	3.400.000
161	DTZ1353201010058	Phan Thị Thùy	Trang	22/11/1995	Báo chí K11	18	**3.67**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
162	DTZ1353201010073	Vũ Quang	Dũng	08/01/1995	Báo chí K11	18	**3.56**	83	Giỏi	680.000	5	3.400.000
163	DTZ1353201010085	Trần Lan	Phương	10/12/1995	Báo chí K11	18	**3.56**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
164	DTZ1353201010025	Mai Huyền	Trang	23/11/1995	Báo chí K11	18	**3.56**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000
165	DTZ1353201010018	Đỗ Thị Thạch	Thảo	01/08/1994	Báo chí K11	18	**3.50**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
166	DTZ1453201010060	Bùi Thị	My	16/05/1996	Báo chí K12	18	**3.67**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000
167	DTZ1453201010019	Nguyễn Thị Mai	Hiên	16/01/1996	Báo chí K12	18	**3.50**	81	Giỏi	680.000	5	3.400.000
168	DTZ1453201010095	Nguyễn Thị	Yến	02/11/1995	Báo chí K12	16	**3.38**	81	Giỏi	680.000	5	3.400.000
169	DTZ1453201010092	Lê Thị	Nhung	02/01/1995	Báo chí K12	16	**3.38**	80	Giỏi	680.000	5	3.400.000
170	DTZ1453201010100	Đỗ Thị	Nụ	09/08/1996	Báo chí K12	18	**3.22**	81	Giỏi	680.000	5	3.400.000
171	DTZ1453201010144	Nguyễn Trung	Hiếu	08/07/1996	Báo chí K12	18	**3,17**	77	Khá	610.000	5	3.050.000
172	DTZ1553201010031	Nguyễn Thị	Ly	09/04/1996	Báo chí K13	17	**3.59**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000
173	DTZ1553201010084	Lý Thị	Thính	25/08/1997	Báo chí K13	17	**3.06**	83	Khá	610.000	5	3.050.000
174	DTZ1553201010020	Nguyễn Thị Minh	Huế	13/12/1997	Báo chí K13	17	**2.82**	79	Khá	610.000	5	3.050.000
175	DTZ1553201010060	Lộc Thị	Thúy	13/01/1996	Báo chí K13	17	**2.82**	79	Khá	610.000	5	3.050.000
176	DTZ1553201010112	Vũ Mạnh	Vương	29/08/1997	Báo chí K13	18	**2.78**	85	Khá	610.000	5	3.050.000
177	DTZ1553201010074	Triệu Thị Hoàng	Vân	25/04/1997	Báo chí K13	17	**2.76**	79	Khá	610.000	5	3.050.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
178	DTZ1355281020026	Nguyễn Thị	Ngọc	19/07/1994	Du lịch K11	19	**3.63**	94	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
179	DTZ1355281020004	Bùi Thị	Mai	30/06/1994	Du lịch K11	19	**3.63**	94	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
180	DTZ1455281020016	Nguyễn Yến	Phượng	11/03/1996	Du lịch K12	20	**3.50**	93	Giỏi	680.000	5	3.400.000
181	DTZ1455281020029	Hoàng Đình	Du	16/02/1995	Du lịch K12	20	**3.25**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
182	DTZ1555281020033	Nguyễn Thu	Thảo	01/08/1997	Du lịch K13	17	**3.00**	82	Khá	610.000	5	3.050.000
183	DTZ1555281020050	Nông Thị	Linh	25/07/1997	Du lịch K13	17	**2.88**	79	Khá	610.000	5	3.050.000
184	DTZ1555281020001	Hà Ngọc	Anh	13/07/1997	Du lịch K13	17	**2.82**	82	Khá	610.000	5	3.050.000
185	DTZ1352203300085	Nông Thị Hồng	Son	02/11/1995	Văn học K11	19	**4.00**	95	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
186	DTZ1352203300060	Đinh Thị	Hiền	27/04/1995	Văn học K11	19	**3.74**	90	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
187	DTZ1352203300046	Trần Thị Như	Quỳnh	20/10/1995	Văn học K11	19	**3.74**	83	Giỏi	680.000	5	3.400.000
188	DTZ1452203300052	Lò Thị	Sáng	13/10/1996	Văn học K12	19	**3.58**	85	Giỏi	680.000	5	3.400.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
189	DTZ1452203300048	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	28/09/1996	Văn học K12	19	**3.47**	88	Giỏi	680.000	5	3.400.000
190	DTZ1452203300009	Lê Thị	An	10/03/1995	Văn học K12	19	**3.37**	81	Giỏi	680.000	5	3.400.000
191	DTZ1552203300013	Lương Thị	Ngọc	10/06/1997	Văn học K13	16	**3.56**	84	Giỏi	680.000	5	3.400.000
192	DTZ1552203300024	Nông Thị	Hương	08/03/1997	Văn học K13	16	**2.81**	80	Khá	610.000	5	3.050.000
193	DTZ1352201130017	Hoàng Thị	Khánh	11/08/1995	Việt Nam học K11	14	**4.00**	91	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
194	DTZ1353202020026	Bùi Thị Thùy	Dương	22/08/1994	Thư viện K11	18	**4.00**	94	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
195	DTZ1453202020018	Hoàng Thị	Châm	24/08/1995	Thư viện K12	20	**3.25**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000
196	DTZ1553202020003	Tòng Thị	Luyến	10/02/1997	Thư viện K13	20	**3.00**	93	Khá	610.000	5	3.050.000
197	DTZ1352203100066	Nguyễn Văn	Quân	26/10/1995	Lịch sử K11	16	**3.88**	92	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
198	DTZ1352203100052	Hoàng Anh	Tuấn	20/06/1993	Lịch sử K11	16	**3.75**	91	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000
199	DTZ1352203100039	Đinh Viết	Tiếp	24/07/1993	Lịch sử K11	16	**3.75**	92	Xuất sắc	750.000	5	3.750.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
A	B	C		D	E	1	2	3	4	5	6	7
200	DTZ1452203100009	Giàng Thị	Hương	23/07/1994	Lịch sử K12	18	**3.56**	90	Giỏi	680.000	5	3.400.000
201	DTZ1452203100035	Nguyễn Thị	Hòa	27/06/1996	Lịch sử K12	18	**3.33**	90	Giỏi	680.000	5	3.400.000
202	DTZ1552203100009	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	22/02/1997	Lịch sử K13	20	**3.45**	87	Giỏi	680.000	5	3.400.000